

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 30/8/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ
pháp lý”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngát

2. Bà Lưu Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Mạnh C, sinh năm 1948 (*có mặt*)

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Công ty L (Nay là Công ty L1); Địa chỉ: Khu B, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Quang C1 - Giám đốc

Địa chỉ: Khu B, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Lê Mạnh C trình bày:

Ngày 23/7/2013, ông có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 156/2013/HĐ-DCLAW với Công ty L (Nay là Công ty L1) – Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ, người đại diện theo pháp luật là ông Phan Quang C1- giám đốc, trụ sở công ty là số I, đường H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nội dung Hợp đồng là Công ty L cử luật sư tư vấn, lập hồ sơ pháp lý và đại diện thực hiện các thủ tục pháp lý để khiếu nại đề nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm số 30/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 của

TAND tỉnh Vĩnh Phúc theo thủ tục giám đốc thẩm. Phí dịch vụ theo hợp đồng này là 6.000.000đ, thời hạn thực hiện hợp đồng là 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng tôi đã nộp đủ số tiền phí dịch vụ 6.000.000đ cho ông Phan Quang C1 nhận. Một thời gian sau ông C1 đến tại nhà tôi yêu cầu tôi nộp thêm 5.000.000đ chi phí đi lại và cam kết trả lại số tiền này nếu không hoàn thành công việc. Khi nhận số tiền 5.000.000đ, ông C1 đã viết vào phần cuối của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 156/2013/HĐ-DCLAW với nội dung: “ Nhận thêm 5.000.000đ (năm triệu đồng) chi phí đi lại của vụ việc. Cam kết hoàn lại khoản chi phí này nếu không hoàn thành công việc” và ký tên người nhận Phan Quang C1. Công ty L đã không thực hiện đúng hợp đồng là khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 30/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc. Tôi không nhận được hồi âm, trả lời của Tòa án có thẩm quyền về khiếu nại mà tôi yêu cầu Công ty L thực hiện đại diện cho tôi. Tôi đã gọi điện cho ông C1 nhiều lần và sau đó ông C1 đã không nghe điện thoại của tôi. Tôi đã khởi kiện vụ án đến TAND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau đó được biết Công ty L đã đổi tên thành Công ty L2, trụ sở đã chuyển đến khu B, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ vì thế TAND thành phố Việt Trì đã chuyển vụ án đến TAND thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa ngày 30/8/2024, ông chấp nhận với đề nghị của Công ty L (Nay là Công ty L1) – Đoàn Luật sư tỉnh P, yêu cầu trả cho ông số tiền 6.000.000đ như văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn gửi TAND thị xã Phú Thọ đề ngày 27/8/2024.

*** Bị đơn Công ty L (Nay là Công ty L1) do ông Phan Quang C1 – Giám đốc vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày:**

Ông thừa nhận ngày 23/7/2013, Công ty L (Nay là Công ty L1) – Đoàn Luật sư tỉnh P, trụ sở công ty là số I, đường H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ do ông làm giám đốc có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 156/2013/HĐ-DCLAW với ông Lê Mạnh C, sinh năm 1948, địa chỉ: Xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi ký hợp đồng một thời gian hai bên đã thống nhất thay đổi nội dung dịch vụ nhưng không lập phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Ông thừa nhận đã nhận của ông C tổng số tiền phí dịch vụ và chi phí là 11.000.000đ. Quá trình thực hiện do sau đó không thống nhất được về phạm vi sửa đổi, nội dung sửa đổi, bổ sung dịch vụ nên hai bên có bất đồng. Phía ông C đã có những lời lẽ thiếu kiềm chế nên ông không nhận các cuộc gọi của ông C nữa. Nay ông C kiện Công ty L hoàn trả lại số tiền 11.000.000đ, ông không đồng ý mà chỉ đồng ý hoàn trả lại 6.000.000đ với điều kiện ông C rút đơn kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì và hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết việc thanh lý hợp đồng, hoàn trả phí dịch vụ ngoài Tòa án hoặc hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ nơi Công ty L1 đăng ký địa chỉ trụ sở chính.

Tại Văn bản đề ngày 27/8/2024, bị đơn có quan điểm: Đồng ý hoàn lại cho ông C số tiền 6.000.000đ. Nếu ông C không đồng ý thì đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng quy định về thời hiệu khởi kiện tại Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành để bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh C vì Hợp đồng ký năm 2013, đến cuối năm 2016 đã chấm dứt dịch vụ. Theo quan điểm bị đơn, các bên đã phát sinh tranh chấp hợp đồng từ cuối năm 2016 (và theo lời khai của ông C thì các bên đã phát sinh tranh chấp hợp đồng sớm hơn thời điểm cuối năm 2016 do trong đơn khởi kiện và các bản khai, ông C trình bày là ngay sau khi ký hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện công việc gì cho ông C - nghĩa là đã phát sinh tranh chấp ngay sau khi ký kết hợp đồng) nhưng đến năm 2023 ông C mới khởi kiện là đã quá thời hiệu khởi kiện để yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Điều 518, Điều 520, Điều 523 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật luật sư Khoản 8 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc Công ty L (Nay là Công ty L1) phải trả cho ông Lê Mạnh C số tiền 6.000.000 đồng.

Chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý số 156/2013/HĐ-DCLAW ngày 23/7/2013 giữa Công ty L (nay là Công ty L1) với ông Lê Mạnh C.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tiền cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành báo gọi lấy lời khai, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.... giữa các đương sự. Do Công ty L (Nay là Công ty L1) không có mặt theo triệu tập và hòa giải nên TAND thị xã Phú Thọ không tiến hành công khai tài liệu và hòa giải các bên được với nhau. Toà án đã Quyết định đưa vụ án ra xét là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện và quyền khởi kiện của các đương sự: Căn cứ quy định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005 thời hiệu để người khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng dân sự là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm. Giai đoạn Tòa án thụ lý, chuẩn bị xét xử, Nguyên đơn và bị đơn đều không đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện. Tại văn bản đề ngày 27/8/2024, bị đơn đề nghị HĐXX nếu nguyên đơn không chấp nhận bị đơn trả 6.000.000đ thì đề nghị xem xét về thời hiệu khởi kiện. Tại phiên tòa ngày 30/8/2024 ông C đã nhất trí với yêu cầu của bị đơn và đề nghị HĐXX buộc bị đơn trả 6.000.000đ nên HĐXX không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo nội dung khởi kiện và trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì nội dung tranh chấp giữa hai bên là việc thanh lý hợp đồng dịch vụ pháp lý và chi phí cho việc thực hiện hợp đồng giữa ông C và Công ty L (nay là Công ty L1). Nguyên đơn, bị đơn đã thừa nhận: Ngày 23/7/2013 Công ty L (nay là Công ty L1) có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 156/2013/HĐ-DCLAW với ông Lê Mạnh C, sinh năm 1948, địa chỉ thôn C, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Nội dung Hợp đồng là Công ty L cử luật sư tư vấn, lập hồ sơ pháp lý và đại diện cho ông C thực hiện các thủ tục pháp lý để khiếu nại đề nghị xem xét lại bản án số 30/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc theo thủ tục Giám đốc thẩm. Hai bên thỏa thuận phí dịch vụ là 6.000.000đ, sau đó ông C có nộp thêm 5.000.000đ cho công ty T là 11.000.000đ và thời hạn thực hiện hợp đồng là 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Phía ông C khai, Công ty L không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng nên ông không được Tòa án cấp có thẩm quyền xem xét theo trình tự giám đốc thẩm đối với bản án số 30/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Phía Công ty L cho rằng sau khi ký hợp đồng một thời gian hai bên đã thống nhất thay đổi nội dung dịch vụ nhưng không lập phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên không thống nhất được về phạm vi dịch vụ sửa đổi và nội dung sửa đổi bổ sung dịch vụ nên hai bên đã có những bất đồng và sau đó bị đơn không tiếp nhận các cuộc gọi của ông C nữa. Đồng thời Công ty L đồng ý hoàn lại cho ông C số tiền 6.000.000đ với điều kiện là ông C rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì và hai bên

sẽ thỏa thuận giải quyết việc thanh lý hợp đồng, hoàn trả phí dịch vụ ngoài Tòa án hoặc hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ nơi Công ty L1 đăng ký địa chỉ trụ sở chính.

Như vậy hợp đồng dịch vụ pháp lý mà ông C và Công ty L nay là Công ty L1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản là công việc có thể thực hiện được, không bị pháp luật cấm, không trái đạo đức xã hội. Công ty L nay là Công ty L1 không thực hiện nghĩa vụ đã vi phạm điều khoản trong hợp đồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ buộc bị đơn hoàn trả số tiền 11.000.000đ mà Công ty L nay là Công ty L1 đã nhận để thực hiện dịch vụ pháp lý là có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ.

Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn nhất trí với ý kiến của bị đơn về việc đề nghị bị đơn chỉ phải trả số tiền 6.000.000đ. Xét thấy việc thỏa thuận của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[4] Về án phí: Tại phiên tòa các đương sự mới thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 518, 519, 520, 521, 523 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 147, điều 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56 Luật Luật sư; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Công ty L (nay là Công ty L1) phải hoàn trả cho ông Lê Mạnh C số tiền 6.000.000đ.

Chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý số 156/2013/HĐ-DCLAW ngày 23/7/2013 giữa Công ty L (nay là Công ty L1) với ông Lê Mạnh C.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tiền cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

*Về án phí: Công ty L (nay là Công ty L1) phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND thị;
- VKSND tỉnh
- Cơ quan THADS,
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Lệ Thanh